

Lời giới thiệu

Ma túy là hiểm họa chung của nhân loại, tác hại của ma túy không thể lường hết. Ma túy làm gia tăng tội phạm, bạo lực, tham nhũng, vắt cạn kiệt nhân lực, tài chính, hủy diệt những tiềm năng quý báu mà lẽ ra phải được huy động cho phát triển kinh tế xã hội, đem lại ấm no, hạnh phúc cho mọi người. Ma túy đang làm suy thoái nhân cách, phẩm giá, tàn phá cuộc sống yên vui của gia đình, gây xói mòn đạo lý, kinh tế xã hội...

*Trong thời gian qua, tình hình tội phạm về ma túy ngày càng có chiều hướng diễn biến phức tạp. Để góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, người dân các quy định pháp luật về phòng, chống ma túy, Sở Tư pháp - Cơ quan thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc biên soạn cuốn “**Sổ tay hỏi - đáp pháp luật về phòng, chống ma túy**”.*

Xin trân trọng giới thiệu và mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc!

SỞ TƯ PHÁP

Phần I

TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM MA TÚY

Câu 1: Trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 6 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định cá nhân và gia đình có trách nhiệm sau đây:

- Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy;

- Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh;

- Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác;

- Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Câu 2: Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Trả lời:

Điều 7, Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy như sau:

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn ma túy

cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết kịp thời những thông tin, tố giác về tệ nạn ma túy.

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, báo cáo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc trồng cây có chứa chất ma túy; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

- Tại các vùng phải xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

- Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tệ nạn ma túy; tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

- Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

Câu 3: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Trả lời:

Điều 9 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh;

- Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tệ nạn ma túy;

- Giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư;

- Phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Câu 4: Tệ nạn ma túy trong học đường đang là vấn đề quan tâm, lo lắng của xã hội, nhất là các phụ huynh học sinh. Xin hỏi nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm gì trong việc phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên?

Trả lời:

Để phòng ngừa và loại bỏ tệ nạn ma túy trong học sinh, sinh viên, Điều 10 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục khác như sau:

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy;

- Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy;

- Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

Câu 5: Con trai tôi bị một số bạn xấu rủ rê sử dụng ma túy, do phát hiện kịp thời nên cháu chưa bị nghiện. Để phòng tránh cho cháu bị bạn xấu lôi kéo, tôi đã có một số biện pháp cần thiết để bảo vệ cháu, đồng thời tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy... Vậy, tôi xin hỏi, Luật phòng, chống ma túy năm 2000 có quy định gì về quyền của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức khi tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy không?

Trả lời:

Điều 14 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 quy định như sau:

1. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật.

2. Trường hợp cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức do tham gia phòng, chống ma túy mà bị thiệt hại về tài sản thì được Nhà nước đền bù; trường hợp cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan công an, hải quan, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, viện kiểm sát, tòa án và chính quyền các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều **14 Luật phòng, chống ma túy năm 2000.**

Câu 6: Tôi xin hỏi, Luật phòng, chống ma túy sửa đổi năm 2008 quy định cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành các hoạt động gì để phòng, chống ma túy hiện nay?

Trả lời:

Điều 13 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) quy định:

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành các hoạt động sau đây:

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy;

b. Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trình sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

c. Trưng cầu giám định mẫu vật, mẫu phẩm sinh học cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

d. Yêu cầu cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình tài chính và tài khoản tại ngân hàng khi có căn cứ cho rằng có hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 8 Điều 3 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (*Trồng cây có chứa chất ma túy; Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy; Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy; Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội về ma túy mà có; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy*)

đ. Yêu cầu cơ quan bưu điện mở bưu kiện, bưu phẩm để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng trong bưu kiện, bưu phẩm đó có chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

e. Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy.

2. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 13 theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, cơ quan Hải quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan hữu quan khác thực hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong việc thực hiện, phối hợp thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 **Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008)**.

Câu 7: Theo pháp luật hiện hành, trách nhiệm của người nghiện ma túy thực hiện các hình thức cai nghiện tại cộng đồng và cai nghiện tại gia đình được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 26 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và Khoản 1 Điều 28 Nghị

định số 94/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/9/2010 quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng thì người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tại cộng đồng và cai nghiện tại gia đình có trách nhiệm sau:

- Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi mình cư trú;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chuyên môn, kế hoạch cai nghiện cá nhân;

- Hàng tháng phải báo cáo với người được phân công trực tiếp giúp đỡ về tình hình điều trị, cai nghiện, kết quả và sự tiến bộ của mình;

- Phải có mặt khi Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu; nếu vắng mặt mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đến trụ sở Ủy ban nhân dân yêu cầu làm kiểm điểm về hành vi vi phạm đó;

- Đóng góp chi phí cai nghiện theo quy định.

Câu 8: Đầu năm 2013, mẹ tôi đã rất đau khổ và suy sụp khi bắt quả tang anh trai tôi đang hút heroin trong phòng. Sau nhiều lần họp bàn, vì sợ mất uy tín đối với cơ quan, mất thể diện với bạn bè, hàng xóm nên cha mẹ tôi quyết định mua thuốc về tự cai cho anh mà không cho người ngoài biết. Xin hỏi việc cha mẹ tôi giấu kín, không báo với chính quyền địa phương chuyện anh tôi nghiện ma túy có vi phạm pháp luật

không? Trách nhiệm của gia đình người cai nghiện ma túy được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 26 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định gia đình người cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau:

- Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;

- Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Chăm sóc, quản lý, theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người cai nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật, an toàn xã hội;

- Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Tổ công tác, cán bộ Tổ công tác được phân công giúp đỡ người cai nghiện trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người cai nghiện ma túy thực hiện kế hoạch cai nghiện, xóa bỏ mặc cảm, quyết tâm cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng.

Đối chiếu với quy định trên thì việc cha mẹ bạn khi phát hiện ra anh trai bạn nghiện ma túy mà không báo cho chính quyền địa phương là vi phạm pháp luật. Cha mẹ bạn hãy bình tĩnh và sáng suốt giải quyết vấn đề, đừng quá đau khổ, đừng vì sợ mất thể diện mà không dám báo cho cơ quan chức năng.

Cha mẹ bạn nên hiểu rằng phải có phác đồ điều trị đối với từng trường hợp nghiện khác nhau và cần có sự theo dõi chặt chẽ của bác sĩ thì công tác cai nghiện mới có hiệu quả. Vì vậy, khi phát hiện tình trạng nghiện của anh trai bạn, gia đình bạn nên kiên quyết lựa chọn và áp dụng hình thức cai nghiện thích hợp, đồng thời, thực hiện việc quản lý chặt chẽ sau cai nghiện. Đó là biện pháp tốt nhất cứu anh trai bạn thoát khỏi hiểm họa ma túy.

Câu 9. Pháp luật quy định tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy bị xử lý hình sự như thế nào?

Trả lời:

Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm n khoản 1 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017 quy định tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy như sau:

1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Với số lượng 3.000 cây trở lên;

c) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

4. Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

Câu 10. Người có hành vi sản xuất trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- e) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 200 mililít;
- i) Tái phạm nguy hiểm;
- k) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến

điểm h **khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất chuyên nghiệp;
- b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- d) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
- đ) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililít đến dưới 750 mililít;

e) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ **khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên;

đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến

điểm d khoản 4 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 11. Người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

h) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến

dưới 50 kilôgam;

l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản 2 **Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**;

o) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khất (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể

tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 **Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 **Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 12. Pháp luật hình sự quy định như thế nào về tội vận chuyển trái phép chất ma túy?

Trả lời:

Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy) của **Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- e) Qua biên giới;
- g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilogram;
- h) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- i) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilogram đến dưới 25 kilogram;
- k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilogram đến dưới 200 kilogram;
- l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilogram đến dưới 50 kilogram;
- m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

p) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 **Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 13. Người có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Đối với 02 người trở lên;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;
- g) Qua biên giới;
- h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- k) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
- p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản 2 **Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**;

q) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 **Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành,

hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 **Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 14. Pháp luật hình sự quy định như thế nào về tội chiếm đoạt chất ma túy?

Trả lời:

Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội chiếm đoạt chất ma túy như sau:

1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều 252 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy) và 251

(Tội mua bán trái phép chất ma túy) của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

- đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- h) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;
- n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản 2 **Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**;
- o) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có

chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 **Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililít trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 **Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)**.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 15. Người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 253 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 253 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc đã bị kết án về **tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy**, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 50 gam đến dưới 200 gam;

c) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 75 mililit đến dưới 300 mililit.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 500 gam;
- e) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 300 mililít đến dưới 750 mililít;
- g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- h) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;
- i) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:

- a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 500 gam đến dưới 1.200 gam;
- b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililít đến dưới 1.800 mililít.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng 1.200 gam trở lên;
- b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích 1.800 mililít trở lên.

5. Trường hợp phạm tội có cả tiền chất ở thể rắn và tiền chất ở thể lỏng thì được quy đổi để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, với tỷ lệ 01 gam tiền chất ở thể rắn tương đương với 1,5 mililít tiền chất ở thể lỏng. Sau khi quy đổi, số lượng tiền chất thuộc khoản nào, thì người thực hiện hành vi phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản đó.

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm

hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 16. Hình phạt đối với hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Có số lượng 20 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại trở lên;

e) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;

g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 17. Nguyễn Văn A phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo pháp luật hình sự, A bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Tùy theo tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà Nguyễn Văn A có thể bị xử phạt về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015:

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- d) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;
- đ) Đối với người đang cai nghiện;
- e) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- g) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;
- h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

b) Gây tổn hại cho sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

d) Đối với người dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

b) Làm chết 02 người trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 18. Nếu một người cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có những hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với người dưới 16 tuổi;

d) Đối với 02 người trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ

50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 19. Người phạm tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 257 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;
- d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Đối với người đang cai nghiện;
- h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;
- k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;
- b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;
- c) Đối với người dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội trong trường hợp làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Câu 20. Người phạm tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 258 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

- Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

+ Có tổ chức;

+ Phạm tội 02 lần trở lên;

+ Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;

+ Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

+ Đối với phụ nữ mà biết là có thai;

+ Đối với 02 người trở lên;

+ Đối với người đang cai nghiện;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở +) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

+ Đối với người dưới 13 tuổi.

- Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì

bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Câu 21. Hành vi vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 259 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

1. Người nào có trách nhiệm trong quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XX (các tội phạm về ma túy) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

b) Vi phạm quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

c) Vi phạm quy định về giao nhận, vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

d) Vi phạm quy định về phân phối, mua bán, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

đ) Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất

ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển;

e) Vi phạm quy định về cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Phần II

CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Câu 22: Khi biết được T - cậu con trai duy nhất đang là sinh viên năm thứ hai đại học, vốn ngoan ngoãn, học giỏi, do bạn bè lôi kéo, đã dính vào ma túy được hơn nửa năm rồi. Bà H là mẹ của T rất đau khổ. Bà đã xin nghỉ hưu trước tuổi, vận động con quyết tâm lên kế hoạch, tự giác cai nghiện ma túy tại gia đình. Bà H muốn hỏi xem đối tượng cai nghiện tại gia đình gồm những ai? Độ tuổi, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

- Theo Điều 8 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng, đối tượng cai nghiện tại gia đình là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự giác khai báo và tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình.

- Về độ tuổi và thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình được quy định tại Điều 3 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP như sau:

+ Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ mười hai tuổi trở lên.

+ Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình từ sáu tháng đến mười hai tháng, tính từ ngày ký quyết định cai nghiện tại gia

đình, quyết định cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Câu 23: Gia đình A rất đau lòng và lo lắng khi phát hiện ra A đã nghiện ma túy. Qua báo, đài, gia đình A biết được có thể thực hiện cai nghiện ma túy cho A tại gia đình. Xin hỏi muốn được tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình thì A và gia đình A cần đăng ký như thế nào?

Trả lời:

Việc đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình được quy định tại Điều 9 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định như sau:

1. Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Tổ công tác giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;

c) Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện ma túy.

Câu 24: Sau khi nộp hồ sơ cho con trai tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, gia đình B thắc mắc muốn được biết cơ quan nào có trách nhiệm xem xét áp dụng cai nghiện ma túy tại gia đình cho B?

Trả lời:

Theo Điều 10 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định việc xem xét áp dụng cai nghiện ma túy tại gia đình như sau:

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 94/2010/NĐ-CP, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình.

- Quyết định quản lý tự nguyện cai nghiện tại gia đình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

- Quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình được gửi cho cá nhân và gia đình người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú.

Câu 25: A nghiện ma túy được gần 2 năm. Thời gian gần đây, được sự quan tâm, vận động của gia đình, A quyết tâm cai nghiện ma túy để làm lại cuộc đời. Song do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện điều trị cắt cơn tại gia đình, A muốn đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng. Xin hỏi A có thuộc đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng hay không?

Trả lời:

Trường hợp của A thuộc đối tượng tự nguyện cai nghiện

tại cộng đồng, theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP như sau:

- Đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự nguyện đăng ký cai nghiện nhưng không có điều kiện điều trị cắt cơn tại gia đình.

- Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm tự giác khai báo và đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 26: Xin cho biết hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm những nội dung gì? Việc xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm:

- Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

- Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy.

Tổ công tác cai nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng.

Việc xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng được quy định tại Điều 14 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP như sau:

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, lập danh sách đối tượng tự nguyện cai nghiện và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng.

- Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Câu 27: Việc lập và thẩm tra hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP thì thủ tục lập và thẩm tra hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được thực hiện như sau:

1. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

Trưởng Công an xã hoặc tương đương chủ trì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác.

Hồ sơ gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;

- Biên bản hoặc các tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma túy;

- Văn bản của Trưởng Công an xã hoặc tương đương đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Thẩm tra hồ sơ:

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng của Trưởng Công an xã hoặc tương đương, Tổ công tác có trách nhiệm chuẩn bị tổ chức phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

Phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải có ít nhất các thành viên sau tham dự: cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an, cán bộ Y tế, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã và trưởng thôn (hoặc tổ trưởng Tổ dân phố) nơi người nghiện cư trú.

Tổ công tác xem xét và biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết với số ý kiến bằng nhau thì phải ghi rõ vào biên bản phiên họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định. Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ của Tổ công tác phải ghi rõ ý kiến phát biểu của các thành viên tham dự.

Tổ trưởng Tổ công tác làm văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

Câu 28: Ai là người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng? Văn bản quyết định phải có những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao quản lý, giúp đỡ; quyền khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Người phải chấp hành quyết định nếu không tự giác chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành. Quyết định cai nghiện tại cộng đồng được gửi cho cá nhân và gia đình, người giám hộ của người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Câu 29: Chị H bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng, tuy nhiên, chị hiện đang có thai ở tháng thứ 3. Xin hỏi: chị H có thể được hoãn việc cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP thì các trường hợp sau đây được hoãn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên;

- Phụ nữ đang có thai có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên hoặc phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quyết định của cơ sở y tế về thời gian điều trị, thời gian nuôi con nhỏ để quyết định thời hạn hoãn chấp hành quyết định. Khi hết thời hạn hoãn chấp hành ghi trong quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú thì các đối tượng trên phải tiếp tục thi hành quyết định. Trường hợp không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, theo quy định của pháp luật, chị H có thể được hoãn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Câu 30: Trong trường hợp nào thì người cai nghiện được miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng? Thủ tục miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP thì các trường hợp sau đây được miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

- Đang mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;

- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó tự nguyện cai nghiện, không còn sử dụng ma túy có Giấy xác nhận đã hoàn thành thời gian tự nguyện cai nghiện.

Thủ tục miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng như sau:

- Người phải chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải làm đơn đề nghị hoãn, miễn (kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hoãn, miễn, tự nguyện cai nghiện) gửi Tổ trưởng Tổ công tác;

- Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tổ trưởng Tổ công tác xem xét, thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ trưởng Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định.

Câu 31: Việc khám sức khỏe và phân loại người nghiện ma túy được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 22 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, việc khám sức khỏe, phân loại người nghiện ma túy được quy định như sau:

- Cơ sở y tế cấp xã, bác sĩ điều trị cắt cơn (đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình) có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe ban đầu, làm hồ sơ bệnh án (theo Mẫu do Bộ Y tế ban hành) cho người cai nghiện ma túy; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn.

- Căn cứ vào bệnh án, các kết quả xét nghiệm, cán bộ điều trị phân loại người cai nghiện theo loại ma túy sử dụng, tình trạng sức khỏe để xây dựng kế hoạch điều trị, cai nghiện phù hợp với từng người.

Câu 32: Qua rĩ tai của hàng xóm, bác T biết được ở trên vùng núi K có một ông thầy lang có bài thuốc điều trị cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy rất tài tình.

Nhiều người đã cai nghiện thành công tại nhà thầy lang này. Bác T phân vân không biết có nên đưa cậu con trai đang tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, đến nhà thầy lang này để tiến hành điều trị cắt cơn, giải độc hay không? Theo ý kiến của con gái bác thì việc điều trị cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy phải do y, bác sĩ được đào tạo, tập huấn về điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy và được Sở Y tế cấp tỉnh cấp chứng chỉ; áp dụng đúng bài thuốc, phác đồ điều trị cắt cơn cai nghiện ma túy do Bộ Y tế ban hành. Xin hỏi, ý kiến của con gái bác T có đúng hay không?

Trả lời:

Việc điều trị cắt cơn, giải độc đối với người cai nghiện ma túy được quy định tại Điều 23 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại địa phương để tổ chức điều trị cắt cơn nghiện ma túy tại cộng đồng.

Đối với những xã có số đối tượng nghiện ít, không cần thiết hoặc không có điều kiện thành lập Cơ sở điều trị cắt cơn riêng biệt, thì liên kết với các xã khác hoặc kết hợp với Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, các cơ sở khác được phép điều trị cắt cơn trong khu vực để tổ chức điều trị cắt cơn cho người nghiện ma túy.

Trường hợp không có cơ sở vật chất để tổ chức Cơ sở điều trị cắt cơn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xây dựng Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma túy phù hợp với nhu cầu, khả năng của địa phương.

- Cơ sở điều trị cắt cơn phải thực hiện các biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

- Việc điều trị cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng phải do y, bác sĩ được đào tạo, tập huấn về điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy và được Sở Y tế cấp tỉnh cấp chứng chỉ; áp dụng đúng bài thuốc, phác đồ điều trị cắt cơn cai nghiện ma túy do Bộ Y tế ban hành.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở điều trị cắt cơn; hướng dẫn thực hiện công tác phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong cơ sở điều trị cắt cơn.

Như vậy, ý kiến của con gái bác T là hoàn toàn chính xác.

Câu 33: Anh V cho rằng: người nghiện ma túy sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị cắt cơn và đưa trở về quản lý tại gia đình, vẫn cần có sự quản lý, giám sát của chính quyền? Điều đó có đúng hay không?

Trả lời:

Ý kiến của anh V là đúng. Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, việc quản lý, giám sát người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng được quy định như sau:

- Người nghiện ma túy sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị cắt cơn được lập sổ theo dõi diễn biến hành vi, tâm lý và đưa trở về quản lý tại gia đình.

- Tổ công tác phân công cán bộ hỗ trợ giúp đỡ người nghiện ma túy trong việc thực hiện kế hoạch cai nghiện; phối hợp với gia đình, các tổ chức đoàn thể nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giám sát và hỗ trợ người cai nghiện.

- Cán bộ Tổ công tác được phân công hỗ trợ phải có kế hoạch, biện pháp quản lý, giáo dục, tư vấn người cai nghiện trong suốt thời gian cai nghiện, bảo đảm cho người cai nghiện thực hiện đúng và đủ quy trình cai nghiện; hàng tháng báo cáo với Tổ trưởng Tổ công tác về việc thực hiện kế hoạch cai nghiện của người cai nghiện.

Câu 34: Ông X là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng: cần phải tăng cường dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện bởi theo thống kê, khoảng 70% người nghiện ma túy trước đó không có việc làm. Vì vậy, để giúp người cai nghiện ma túy nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng và không tái nghiện, cách tốt nhất vẫn là tạo cho họ việc làm và có thu nhập ổn định. Do vậy, ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sẽ tích cực phối hợp với các cơ sở dạy nghề trong xã tổ chức dạy nghề tạo công ăn việc làm cho người cai nghiện trong xã. Xin hỏi ý kiến của ông X có chính xác hay không? Pháp luật quy định như thế nào về việc dạy nghề, tạo việc làm cho người cai nghiện?

Trả lời:

Ý kiến của ông X hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật hiện nay. Việc triển khai chính sách hỗ trợ học nghề và tạo việc làm không chỉ nhằm giúp người sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng, mà còn định hướng, tạo cách nhìn mới của cộng đồng với người nghiện ma túy. Theo Điều 26 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, việc dạy nghề, tạo việc làm cho người cai nghiện được quy định như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở dạy nghề của địa phương để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện.

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn cấp xã theo điều kiện, khả năng của doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận người cai nghiện ma túy để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện.

Câu 35: Trong quá trình cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng thì người nghiện ma túy, gia đình người nghiện có trách nhiệm như thế nào?

Trả lời:

Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội. Trách nhiệm của người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy được quy định tại Điều 28 Nghị định 94/2010/NĐ-CP như sau:

1. Người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi mình cư trú;

b) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chuyên môn, kế hoạch cai nghiện cá nhân;

c) Hàng tháng phải báo cáo với người được phân công trực tiếp giúp đỡ về tình hình điều trị, cai nghiện, kết quả và sự tiến bộ của mình;

d) Phải có mặt khi Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu; nếu vắng mặt mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đến trụ sở Ủy ban nhân dân yêu cầu làm kiểm điểm về hành vi vi phạm đó;

đ) Đóng góp chi phí cai nghiện theo quy định.

2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Chăm sóc, quản lý, theo dõi, giám sát, phòng ngừa,

ngăn chặn người nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

b) Phối hợp với Tổ công tác, cán bộ Tổ công tác được phân công giúp đỡ người cai nghiện trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện ma túy thực hiện kế hoạch cai nghiện, xoá bỏ mặc cảm, quyết tâm cai nghiện, tái hoà nhập cộng đồng.

Câu 36: Pháp luật quy định như thế nào về chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng?

Trả lời:

Điều 29 Nghị định 94/2010/NĐ-CP quy định chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng bao gồm:

- Đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy: hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

- Đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc: hỗ trợ tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy, tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

Câu 37: Anh C đang trong thời gian cai nghiện tại cộng đồng thì nghe tin bố đẻ ở quê ốm nặng. Anh muốn về quê thăm bố vài ngày nên muốn được biết liệu pháp luật có cho phép hay không? Việc đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Anh C có thể về quê thăm bố ốm. Theo Điều 30 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng bao gồm:

1. Trong thời gian cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng, khi tình trạng sức khỏe đã phục hồi, người cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, trừ trường hợp đang trong giai đoạn cắt cơn, giải độc. Mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày, số thời gian vắng mặt không được vượt quá một phần hai tổng số thời gian cai nghiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và phải tuân theo quy định sau đây:

a) Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến hai mươi ngày, thì phải báo cáo Trưởng Công an cấp xã;

b) Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên hai mươi ngày thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đồng ý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú phải gửi văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ đến lưu trú để phối hợp theo dõi, quản lý và hỗ trợ người cai nghiện;

c) Người cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

2. Thời gian người cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

3. Trong trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác mà tạm trú ở địa phương khác, thì người cai nghiện phải làm đơn đề nghị có ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú xem xét, giải quyết:

a) Trường hợp người cai nghiện thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người cai nghiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, giáo dục;

b) Trường hợp người cai nghiện đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng mà tạm trú ở địa phương khác, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó lưu trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để tiếp tục quản lý, giúp đỡ họ.

Câu 38: Xin cho biết trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng?

Trả lời:

Ủy ban nhân dân cấp xã là nơi trực tiếp thực hiện công tác phòng, chống ma túy và quản lý, giáo dục các đối tượng sau

cai nghiện. Theo quy định Điều 37 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm như sau:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

- Chỉ đạo Tổ công tác thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, quản lý, giáo dục người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; thành lập các câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội khác nhằm giúp người cai nghiện ma túy phục hồi sức khoẻ, nhân cách và hoà nhập cộng đồng.

- Tạo điều kiện cho người đã cai nghiện được học nghề, tìm việc làm, vay vốn, sản xuất, kinh doanh và tiếp cận với các dịch vụ y tế, xã hội, phòng, chống tái nghiện ma túy; huy động các tổ chức, cá nhân giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng.

- Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy.

Phần III

CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN

Câu 39: Xóm tôi có anh A nghiện ma túy đã mấy năm nay. Vừa rồi anh bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bố mẹ anh cứ xin cho con được cai nghiện tại gia đình nhưng chính quyền xã nói anh A thuộc đối tượng phải đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc. Xin cho biết những đối tượng nào thì thuộc diện này? Thời hạn cai nghiện tại cơ sở bắt buộc là bao lâu? Việc bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có phải là biện pháp xử lý hành chính không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 95 và Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

Điều 95 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định rõ: đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính.

Tuy nhiên, cần lưu ý, trong một số trường hợp thì không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đó là đối với người không có năng lực trách nhiệm hành chính (*là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi đang*

mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình); người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Câu 40: Hiện cơ quan chức năng đang tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đối với em trai tôi. Gia đình chúng tôi muốn biết rõ việc lập hồ sơ được tiến hành như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện?

Trả lời:

Vấn đề bạn hỏi được quy định cụ thể tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, theo đó, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy được thực hiện như sau:

- *Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định* thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

- *Đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật* thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về

địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người nghiện ma túy;

Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đối với người nghiện ma túy thuộc 2 trường hợp trên.

- Trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp

của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Câu 41: Xin cho biết sau khi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được lập xong thì thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp này được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Khi cơ quan có thẩm quyền hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy và sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp (khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì giao cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ (khoản 1 Điều 104 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Toà án nhân dân cấp huyện là cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh

và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị áp dụng cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật (Khoản 2 Điều 105 và Điều 107 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Câu 42: Gia đình chúng tôi đã nhận được Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với con trai tôi. Tuy nhiên, hiện con tôi đã trốn khỏi nhà. Tôi muốn biết trong trường hợp như con trai tôi thì thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành như gia đình đã nêu thì thời hiệu thi hành quyết định được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Về trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Điều 110 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 43: Chồng tôi đã nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tuy nhiên, cũng thời gian này chồng tôi bị viêm phổi nặng, nghi có thể mắc bệnh lao, phải điều trị tại bệnh viện. Tôi xin hỏi chồng tôi có được hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định không?

Trả lời:

Điều 111 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định rõ các trường hợp được hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cụ thể như sau:

- *Các trường hợp được hoãn chấp hành quyết định:*

- + Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- + Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

- *Các trường hợp được miễn chấp hành quyết định:*

- + Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- + Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;
- + Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định.

Cần lưu ý là đối tượng được hoãn hoặc miễn là người phải chấp hành quyết định nhưng chưa bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Như vậy, căn cứ vào quy định pháp luật, chồng chị hoặc chị (nếu chị là người đại diện hợp pháp của anh ấy) có thể làm đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với chồng chị. Khi đó, căn cứ vào tình trạng sức khỏe thực tế của chồng chị, Tòa án nhân dân sẽ xem xét, quyết định chồng chị có thuộc đối tượng được hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định không.

Câu 44: Tôi nghe nói người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc có thể được xem xét để giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở. Đề nghị cho tôi biết cụ thể về quy định này?

Trả lời:

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 112 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Cụ thể như sau:

- Người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

- Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết

định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khoẻ được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

- Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

- Đối với người ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

Câu 45: Việc quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 113 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành

quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.

Câu 46: Người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý và thực hiện chế độ sinh hoạt, lao động, văn hóa, thể thao ở cơ sở cai nghiện bắt buộc như thế nào?

Trả lời:

Theo Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (gọi là Nghị định số 135) và Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBSXH-BCA ngày 06/6/2012 quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (gọi

là Thông tư liên tịch số 14) thì các chế độ trên được quy định như sau:

- *Chế độ quản lý*: người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là học viên) phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và nội quy của cơ sở cai nghiện, chịu sự quản lý, giáo dục, tuân theo chế độ lao động, học tập và điều trị, chữa bệnh theo quy định.

- *Chế độ sinh hoạt*: học viên được đem theo đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu; được gặp thân nhân, được gửi thư hoặc nhắn tin cho gia đình; được nhận tiền, chăn màn, quần áo, thuốc chữa bệnh, đồ ăn và các đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu khác do thân nhân gửi tới. Học viên được bố trí nơi ở phù hợp với giới tính, độ tuổi và tình trạng sức khỏe. Diện tích nằm tối thiểu cho mỗi học viên là 2,5m². Phòng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường.

- *Chế độ lao động*: học viên phải tuân thủ chế độ, thời gian làm việc theo quy định của pháp luật lao động và được trang bị bảo hộ lao động, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động theo quy định.

Việc phân công, bố trí lao động cho học viên tại cơ sở cai nghiện phải phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính của học viên. Thời gian lao động của học viên không quá 4 giờ/ngày. Thời gian lao động, học tập, tư vấn không quá 8 giờ/ngày. Học viên được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Việc khoán sản phẩm phải phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính của học viên. Học viên lao động vượt mức khoán được khen thưởng, biểu dương và

được hưởng toàn bộ số tiền công làm vượt khoán. Trường hợp không đạt mức khoán thì bị phê bình, nhắc nhở trong các buổi sinh hoạt tập thể. Học viên có thể sử dụng tiền thưởng, tiền thu nhập từ lao động để mua đồ ăn, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, gửi lưu ký và nhận lại khi ra khỏi cơ sở cai nghiện hoặc gửi về gia đình theo quy định của cơ sở cai nghiện.

- *Chế độ văn hóa, thể dục thể thao*: hàng ngày, ngoài thời gian học tập và lao động, học viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do cơ sở cai nghiện tổ chức.

Câu 47: Đề nghị cho biết người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có được hưởng trợ cấp hoặc phải đóng góp chi phí gì không?

Trả lời:

Về chế độ hỗ trợ, đóng góp, khoản 12 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 135 quy định: người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được Nhà nước hỗ trợ thuốc hỗ trợ cai nghiện, hỗ trợ học nghề, học văn hóa và mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và các khoản chi phí khác; được hỗ trợ một phần tiền ăn, trong thời gian chấp hành quyết định. Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người bị nhiễm HIV/AIDS, người không có nơi cư trú nhất định được hỗ trợ toàn bộ tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định.

Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc gia đình của người đó phải đóng góp một phần tiền ăn theo quy định.

Phần IV

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY

Câu 48: Người nghiện ma túy, đã chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy có phải chịu sự quản lý sau cai nghiện không? Cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm quản lý sau cai nghiện?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 33 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm theo một trong hai hình thức sau đây:

- Quản lý tại nơi cư trú do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;

- Quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện đối với người có nguy cơ tái nghiện cao.

Nội dung quản lý sau cai nghiện bao gồm:

- Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ phòng, chống tái nghiện; hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hoà nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại nơi cư trú;

- Quản lý, tư vấn, giáo dục, dạy nghề, lao động sản xuất và chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện.

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy gồm:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có người sau cai nghiện cư trú

- Trung tâm quản lý sau cai nghiện.

Câu 49: Xin cho biết nội dung quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú?

Trả lời:

- Theo Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, nội dung quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú gồm:

+ Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ người sau cai nghiện phòng, chống tái nghiện; tư vấn cho họ để thay đổi hành vi, nhân cách;

+ Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tạo điều kiện để người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội, hòa nhập cộng đồng.

- Theo quy định Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có các trách nhiệm sau trong việc tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:

+ Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện; lập Sổ theo dõi, đánh giá quá trình sau cai nghiện; phân công tổ chức, người giúp đỡ, hướng dẫn người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy, phòng, chống tái nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất ma túy đối với người sau cai nghiện;

+ Tổ chức các Đội hoạt động xã hội tình nguyện; huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện; động viên, khuyến khích người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội;

+ Tuyên truyền, quản lý, tổ chức chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ cho người sau cai nghiện nhiễm HIV/AIDS;

+ Hàng tháng, tổ chức họp kiểm điểm, nhận xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của người sau cai nghiện.

Câu 50: Xin cho biết trách nhiệm của người sau cai nghiện và gia đình người sau cai nghiện trong việc quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 11, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 94/2009/NĐ- CP gia đình người sau cai nghiện và người sau cai nghiện có các trách nhiệm như sau:

- Trách nhiệm của gia đình người sau cai nghiện:

+ Quản lý, giám sát chặt chẽ và hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện.

+ Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý người sau cai nghiện.

+ Tạo điều kiện cho người sau cai nghiện tham gia các hoạt động cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nơi người đó cư trú tổ chức.

- Người sau cai nghiện có trách nhiệm:

+ Xây dựng kế hoạch rèn luyện sau cai nghiện theo hướng dẫn của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; cam kết thực hiện các quy định về quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và nghiêm túc thực hiện cam kết đó;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi cư trú;

+ Hàng tháng phải báo cáo với tổ chức được giao quản lý, giúp đỡ về tình hình rèn luyện, phấn đấu và kết quả tiến bộ của mình.

Câu 51: Xin cho biết quyền của người sau cai nghiện và các chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện tại nơi cư trú?

Trả lời:

Theo Khoản 1, 3 Điều 12 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP quy định như sau:

- Người sau cai nghiện tại nơi cư trú có các quyền sau:
 - + Được lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội của cộng đồng tại nơi cư trú;
 - + Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - + Được thực hiện các quyền công dân khác theo quy định của pháp luật.
- Người sau cai nghiện tại nơi cư trú được hưởng các chế độ hỗ trợ sau:
 - + Người sau cai nghiện tại nơi cư trú được hỗ trợ về tâm lý, xã hội trong thời gian quản lý sau cai và tái hòa nhập cộng đồng;
 - + Người sau cai nghiện được xem xét hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm theo khả năng, điều kiện cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 52: Xin cho biết những đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú có được vắng mặt tại nơi cư trú không?

Trả lời:

Theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, quy định như sau:

1. Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, người sau cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, nhưng mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày và tổng số thời gian vắng mặt

không được vượt quá một phần ba thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện như sau:

a) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến mười ngày thì phải báo cáo tổ chức, người giúp đỡ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã biết;

b) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên mười ngày đến ba mươi ngày, thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của tổ chức, người được phân công giúp đỡ trực tiếp và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú đồng ý.

2. Người sau cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Công an xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn cho phép lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi lưu trú về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

3. Thời gian người sau cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện.

Câu 53: Chị H đang trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú thì có thai. Xin hỏi chị H có được giảm thời hạn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện không? Những trường hợp nào được giảm thời hạn, đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú?

Trả lời:

Chị H không được giảm thời gian quản lý sau cai nghiện. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 94/2009/NĐ-

CP, chị H được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà chị H có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Điều 14 Nghị định 94/2009/NĐ-CP quy định những trường hợp sau được giảm thời hạn, đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:

- Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời gian theo quyết định quản lý sau cai nghiện, nếu lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giảm một phần hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại.

- Trường hợp người đang chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện bị ốm nặng thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định để điều trị; thời gian điều trị không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

Đối với phụ nữ có thai thì được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Câu 54: Xin cho biết những trường hợp được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ? Trình tự, thủ tục xem xét việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm?

Trả lời :

Điều 24 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP quy định những trường hợp được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện gồm :

- Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời hạn theo quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, nếp lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì Giám đốc Trung tâm xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

- Trường hợp người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm bị ốm nặng thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định, chuyển về gia đình điều trị; thời gian điều trị không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

- Đối với phụ nữ có thai thì được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có thành tích xuất sắc trong quá trình học tập, rèn luyện, lao động được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

- Trình tự, thủ tục xem xét việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm quy định như sau:

- + Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện lập danh sách các trường hợp giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện và làm văn bản gửi Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp

huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

+ Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện.

Câu 55: Trong quá trình chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại trung tâm, người sau cai nghiện có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 34, Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, trong quá trình chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại trung tâm, người sau cai nghiện có những trách nhiệm sau đây:

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của Trung tâm;

- Tích cực tham gia lao động sản xuất, hoàn thành định mức lao động, khối lượng, chất lượng công việc được giao;

- Tích cực rèn luyện, học tập, thi đua lao động, tham gia các phong trào văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội của Trung tâm;

- Tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động bài trừ tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác, phản ánh, tố cáo

với người có trách nhiệm để kịp thời ngăn chặn mọi biểu hiện và hành vi tiêu cực, nhất là các hành vi sử dụng, mua bán, tàng trữ ma túy tại Trung tâm nhằm góp phần xây dựng môi trường sinh hoạt lành mạnh;

- Khi hết thời hạn chấp hành quyết định đưa vào Trung tâm, phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động và bảo hộ lao động đã mượn, trường hợp làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường; thanh toán các khoản còn vay hoặc nợ cá nhân, tập thể tại Trung tâm;

- Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định, phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cùng cấp nơi cư trú.

Câu 56: Trung tâm quản lý sau cai nghiện có những trách nhiệm gì trong quá trình quản lý sau cai nghiện?

Trả lời:

Theo Khoản 2 Điều 37, Nghị định số 94/2009/NĐ-CP thì trong quá trình quản lý sau cai nghiện, Trung tâm có những trách nhiệm sau:

- Tiếp nhận, tổ chức học tập, giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, hướng nghiệp cho người sau cai nghiện; liên doanh, liên kết hoặc phối hợp với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để tổ chức lao động sản xuất, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện. Bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt vui chơi, giải trí cho người sau cai nghiện theo quy định;

- Tổ chức tuyên truyền, quản lý, chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ người sau cai nghiện; thông tin, giáo dục truyền thông và triển khai các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV/

AIDS; theo dõi, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện phục hồi hành vi nhân cách đối với người sau cai nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất ma túy đối với người sau cai nghiện;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức và nhân viên của Trung tâm theo quy định;

- Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn kinh phí theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, an toàn tại Trung tâm;

- Tổ chức bảo vệ môi trường tại Trung tâm; lồng ghép bảo vệ môi trường với các chương trình, kế hoạch khác của Trung tâm.

Câu 57: Người sau cai nghiện tại trung tâm được giải quyết việc làm theo những phương thức nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP thì người sau cai nghiện được sắp xếp, giải quyết việc làm theo một trong những phương thức sau:

- Tổ chức các khu sản xuất tại Trung tâm để vận động các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đến đầu tư tổ chức sản xuất nhằm giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện;

- Tổ chức các khu vực sản xuất tập trung phù hợp với các loại hình sản xuất kinh doanh quy mô vừa và nhỏ nhằm giải quyết việc làm ổn định, tái định cư lâu dài cho người sau cai nghiện;

- Bố trí làm việc tại các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất cho gia đình người sau cai nghiện hoặc các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư.

Câu 58: Cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Theo Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP thì cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình quản lý, giáo dục, tổ chức lao động sản xuất và đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện hoạt động của đơn vị nhằm cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Ban hành nội quy quản lý tại đơn vị;

- Thực hiện đúng các quy định về tổ chức quản lý, tổ chức lao động sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các quy định của Nhà nước. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người sau cai nghiện;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá về mức độ rèn luyện, phấn đấu của người sau cai nghiện. Định kỳ hàng tháng, quý, năm phải báo cáo tình hình quản lý người sau cai nghiện tại cơ sở với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Đăng ký cho người sau cai nghiện được tạm trú có thời hạn tại địa phương nơi trú đóng; phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đóng để thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự xã hội, an toàn đơn vị, phòng, chống ma túy các chất gây nghiện thẩm lậu vào cơ sở

SỔ TAY HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Lê Thanh Hải

Giám đốc Sở Tư pháp

THAM GIA BIÊN SOẠN

Nguyễn Đình Tứ

Nguyễn Thị Oanh

Phạm Thị Vóc

BIÊN TẬP

Nguyễn Văn Ban

Vũ Văn Quý

THIẾT KẾ VÀ TRÌNH BÀY

Nguyễn Đình Tứ

Giấy phép xuất bản số: /GP-STTTT, do Sở Thông tin & Truyền thông tỉnh Lai Châu cấp ngày ... / /2020.

In 250 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Trung tâm dịch vụ thương mại quảng cáo và in ấn Nhật Nam - Lai Châu. Điện thoại: 0911029899, Email: congtyinnhatnam@gmail.com

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2020.
